

Ngày soạn:
Ngày dạy: 8/11/17

Tiết 28: ƯỚC CHUNG LỚN NHẤT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức: HS hiểu được thế nào là ƯCLN của hai hay nhiều số, thế nào là 2 số nguyên tố cùng nhau, ba số nguyên tố cùng nhau.

2. Kỹ năng:

– HS biết tìm ƯCLN của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số đó ra thừa số nguyên tố.

– HS biết tìm ƯCLN một cách hợp lý trong từng trường hợp cụ thể, biết tìm ƯCLN trong các bài toán thực tế.

3. Thái độ: Rèn tính cẩn thận, chính xác, khoa học cho HS.

II. CHUẨN BỊ TÀI LIỆU-TBĐH:

1. Chuẩn bị của thầy: SGK, SGV, tài liệu tham khảo.

2. Chuẩn bị của trò: ĐDHT, SGK, phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ôn định tổ chức:

2. Kiểm tra bài cũ:

HS 1: Nêu quy tắc tìm ƯCLN? Tìm ƯCLN(30;40)

HS 2: Làm bài tập 140 a,

3. Bài mới:

Hoạt động của thầy - trò	Nội dung kiến thức cần đạt
<u>Hoạt động 1:</u> Tìm ƯC thông qua ƯCLN. GV: Ở VD 1 bằng cách phân tích ra thừa số nguyên tố, ta đã tìm được $ƯCLN(12;30) = 6$ GV: Hãy dùng nhận xét ở mục 1 để tìm $ƯC(12;30)$? GV: Có cách nào tìm ƯC của hai hay nhiều số mà không cần liệt kê các phần tử của mỗi số hay không? GV: Giới thiệu cách tìm ước chung thông qua ƯCLN <u>Hoạt động 2:</u> Luyện tập. GV: Gọi HS lên bảng làm bài tập 142b,c 2HS lên bảng làm bài -Sau đó GV gọi HS khác nhận xét rồi giáo viên đánh giá sửa sai.	<u>3. Cách tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN:</u> VD3: $ƯCLN(12;30)=6$ $Ư(6)=\{1;2;3;6\}$ Vậy $ƯC(12;30)=\{1;2;3;6\}$ * Để tìm ước chung của các số đã cho, ta có thể tìm các ước của ƯCLN của các số đó. <u>Dạng 1:</u> Tìm ƯC của hai hay nhiều số <u>Bài 142 trang 56 SGK</u> Hướng dẫn b) $180 = 2^2 \cdot 3^2 \cdot 5$ $234 = 2 \cdot 3^2 \cdot 13$ $ƯCLN(180;234) = 2 \cdot 3^2 = 18$ $\Rightarrow ƯC(180;234) = \{1; 2; 3; 6; 9; 18\}$ c) $60 = 2^2 \cdot 3 \cdot 5$ $90 = 2 \cdot 3^2 \cdot 5$

GV: Cho HS đọc đề bài 143. GV: Bài toán yêu cầu gì? GV: Số a có quan hệ gì với 420 và 700? GV: Số a phải như thế nào? GV: Vậy số a chính là gì của 420 và 700? GV: Cho HS lên bảng trình bày. GV: Cho HS nhận xét cách trình bày của bạn. GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho HS GV: Cho HS đọc đề bài. GV: Bài toán yêu cầu gì? GV: Các số cần tìm có quan hệ gì với 144 và 192? GV: Các số này có điều kiện gì không? GV: Cách tìm những số này như thế nào? GV: Cho HS lên bảng trình bày. GV: Cho HS nhận xét cách trình bày của bạn. GV: Uốn nắn và thống nhất cách trình bày cho HS	$135 = 3^3.5$ $ƯCLN(60;90;135) = 3.5 = 15$ $\Rightarrow ƯC(60;90;135) = \{1; 3; 5; 15\}$ Dạng 2: Tìm một số chưa biết Bài 143 trang 56 SGK Hướng dẫn $420 = 2^2.3.5.$ $700 = 2^2.5^2.7$ $ƯCLN(420;700) = 2^2.5.7 = 140$ Vậy: $a = 140$ Dạng 3: Tìm ƯC có điều kiện của hai hay nhiều số. Bài 144 trang 56 SGK Hướng dẫn $144 = 2^4.3^2$ $192 = 2^6.3$ $ƯCLN(144;192) = 2^4.3 = 48$ $\Rightarrow ƯC(144;192) = \{1; 2; 3; 4; 6; 8; 12; 16; 24; 48\}$ Vậy các ƯC lớn hơn 20 của 144 và 192 là 24 và 48.
--	--

4. Củng cố - Luyện tập:

– Ôn lại cách tìm ƯCLN, tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN; Xem lại các bài tập đã làm.

- Hướng dẫn HS làm các bài tập phần luyện tập 2.

Bài 145 trang 56 SGK

Hướng dẫn

$$75 = 3.5^2$$

$$105 = 3.5.7$$

$$ƯCLN(75;105) = 3.5 = 15$$

Vậy độ dài lớn nhất của cạnh hình vuông là 15cm.

5. Hướng dẫn học sinh học ở nhà:

- Ôn lại cách tìm ƯCLN, tìm ƯC thông qua tìm ƯCLN.

– Học sinh về nhà học bài và làm các bài tập phần luyện tập 2